TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 325/2023/DS-PT
Ngày: 10-8-2023
V/v tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lương

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Lê Thị Ngọc Phấn – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2023/TLPT-DS ngày 31 tháng 5 năm 2023 về *"Tranh chấp thừa kế tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2023/DS – ST ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1992/2023/QĐ – PT ngày 03 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cao Hồng V, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Tân Long 2, xã Tân Thành Bình, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre

2. Bị đơn: Ông Cao Hùng C, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Cao Hồng N, sinh năm 1956 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3.2. Bà Cao Thị Hồng M, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3.3. Ông Cao Hùng D, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3.4. Ông Cao Hùng S, sinh năm 1958;

Địa chỉ: ấp C, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

3.5. Ông Cao Hùng K, sinh năm 1971;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3.6. Ông Cao Hùng A, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.7. Bà Cao Hồng H, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Cao Hùng S, ông Cao Hùng A, ông Cao Hùng K, bà Cao Hồng H: ông Cao Hùng D, sinh năm 1971, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3.8. Chị Cao Thị Ngọc S1, sinh năm 1995 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3.9. Anh Nguyễn Thái B, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3.10. Ông Nguyễn Phúc H1, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3.11. Chị Nguyễn Thị Mỹ D1, sinh năm 1996 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3.12.Trần Thị Bé C1, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3.13. Chị Cao Thị Ngọc Q, sinh năm 1999 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3.14. Anh Phan Thế Đ, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3.15. Chị Cao Thị Hồng L, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn Cao Hồng V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Cao Hồng V trình bày:

Cha mẹ bà là cụ Cao Văn N1 (chết năm 2006) và cụ Lê Thị P (chết năm 2016) có 09 người con gồm: Cao Hồng N, Cao Hùng S, Cao Hồng V, Cao Hùng A, Cao Thị Hồng M, Cao Hùng C, Cao Hùng K, Cao Hùng D, Cao Hồng H. Khi còn sống cha mẹ bà đã tạo lập được tài sản là thửa đất số 246, tờ bản đồ số 6, diện tích qua đo đạc thực tế là 3.375 m^2, trong đó có 300 m^2 thổ cư, trên đất có nhà thờ diện tích 140 m^2, khu mộ 80 m^2, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Phần đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lê Thị P vào năm 1998.

Hiện trên thửa đất 246 có 04 ngôi nhà kiên cố gồm nhà thờ của cụ Lê Thị P (diện tích 140 m^2), nhà bà M (diện tích 140 m^2), nhà ông D (diện tích 100 m^2) và nhà bà (diện tích 140 m^2) và 01 nhà tạm của Cao Thị Ngọc S1 (con ông D).

Cha mẹ bà chết không để lại di chúc, do các anh em trong gia đình không thống nhất được việc phân chia di sản nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất 246. Cụ thể, yêu cầu chia thửa 246 thành 09 phần bằng nhau, bà được nhận phần đất tại vị trí có nhà của bà.

Bà V thống nhất với kết quả đo đạc, định giá không yêu cầu định giá lại.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Cao Hùng C trình bày:

Ông thống nhất với trình bày của bà V về quan hệ gia đình, hàng thừa kế, di sản thừa kế cũng như hiện trạng trên thửa đất 246.

Trước khi mẹ ông chết có phân chia cho mỗi người con một phần đất thuộc thửa 246 nhưng anh em của ông không thực hiện theo sự phân chia này. Sau khi mẹ ông chết, ông là người giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng thực tế ông không quản lý, sử dụng đất tranh chấp, ông chỉ đến thăm, thắp nhang cho mẹ ông tại nhà thờ trên đất; còn bà M, ông D, bà V mỗi người đã xây nhà trên một phần đất tranh chấp, phần còn lại là thổ mộ và đất trống. Nay bà V yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa 246 ông đồng ý nhưng ông không yêu cầu chia đối với phần di sản ông được hưởng.

Ông thống nhất với kết quả đo đạc, định giá không yêu cầu định giá lại.

Theo đơn yêu cầu độc lập và quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Hồng N trình bày:

Bà thống nhất với trình bày của bà V về quan hệ gia đình, hàng thừa kế, di sản

thừa kế cũng như hiện trạng trên thửa đất 246, tờ bản đồ số 6, toạ lạc ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Cha mẹ bà là cụ Cao Văn N1 và cụ Lê Thị P chết không để lại di chúc, chị em trong gia đình không tự thỏa thuận phân chia di sản được nên bà yêu cầu chia thừa kế di sản của cha mẹ để lại là thửa 246, bà yêu cầu được nhận phần đất diện tích khoảng 250 m^2 tại vị trí giáp lộ. Bà thống nhất với kết quả đo đạc định giá, không yêu cầu định giá lại.

Quá trình tố tụng, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông (bà) Cao Thị Hồng M, Cao Hùng D, Cao Hùng S, Cao Hùng A, Cao Hùng K, Cao Hùng D, Cao Hồng H, Cao Thị Ngọc S1, Nguyễn Thị Mỹ D1, Trần Thị Bé C1, Cao Thị Ngọc Q, Cao Thị Hồng L trình bày:

Các ông bà thống nhất với trình bày của nguyên đơn về quan hệ gia đình, hàng thừa kế, di sản thừa kế cũng như hiện trạng trên thửa đất 246. Do cụ Lê Thị P chết không để lại di chúc nên các ông bà đồng ý chia thừa kế thửa đất 246 thành các phần bằng nhau theo quy định pháp luật nhưng không thống nhất được cách chia vì nếu chia theo yêu cầu của bà Cao Hồng V, chia thửa đất 246 thành các phần bằng nhau cắt từ vị trí giáp lộ sẽ chia cắt các ngôi nhà trên đất, không phù hợp.

Các ông bà đồng ý chia thừa kế nhưng không nộp đơn yêu cầu độc lập trong vụ án và thống nhất với kết quả đo đạc, định giá, không yêu cầu định giá lại.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2023/DS–ST ngày 25 tháng 4 n.ăm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đã quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Hồng V

Bà Cao Hồng V được chia diện tích 577,6 m^2 tiếp giáp lộ 2 m (thửa 246b), có tứ cận: phía Đông giáp phần đất chia cho bà Cao Hồng N, phía Tây giáp phần còn lại của bà Lê Thị P chưa chia, phía Nam giáp lộ, phía Bắc giáp thửa 246 (phần ông D).

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Cao Hồng N

Bà Cao Hồng N được chia 248,9m^2 (thửa 246a) có tứ cận: phía Đông giáp thửa 223 qua tiếp giáp lộ 5m, phía Tây giáp phần đất chia cho bà Cao Hồng V, phía Nam giáp lộ, phía Bắc giáp phần đất chia cho bà Cao Hồng V.

- Phần đất còn lại của bà Lê Thị P giao cho ông Cao Hùng D, bà Cao Thị Hồng M, ông Cao Hùng C tiếp tục quản lý nếu có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ kiện khác do các đương sự không có yêu cầu độc lập.

Ngoài ra, bản án còn tuyên cho các đương sự được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để tiến hành các thủ tục điều chỉnh, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chi phí tố tụng khác, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/4/2023, nguyên đơn Cao Hồng V kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà, cụ thể bà được nhận phần đất có chiều ngang 3,5 m tại vị trí giáp lộ, chiều dài 100 m tại vị trí có ngôi nhà của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn bà Cao Hồng V giữ nguyên kháng cáo. Bị đơn ông Cao Hùng C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cao Hồng N không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: nguyên đơn bà Cao Hồng V thuộc trường hợp người cao tuổi, Toà án cấp sơ thẩm không yêu cầu bà V nộp đơn đề nghị miễn nhưng tuyên cho bà V được miễn án phí và không xử lý tiền tạm ứng án phí là chưa đúng kiến nghị Tòa án khắc phục sai sót này; tại quyết định của bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà V, bà N trong đó phần đất các bà được nhận có một phần diện tích thửa 223 của ông Lê Tấn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng Toà án sơ thẩm không đưa ông T vào tham gia tố tụng để xác định ông T có tranh chấp đối phần diện tích này không mà làm việc với ông Phạm Văn T1 là không đảm bảo quyền lợi của ông T do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự huỷ bản án dân sự sơ thẩm chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của nguyên đơn Cao Hồng V, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế có diện tích 3375 m^2 thuộc thửa 246, tờ bản đồ số 6, toạ lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lê Thị P năm 1998.

Nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất 246 thành 09 phần bằng nhau, mỗi phần đất có chiều ngang 3,5 m (tại vị trí giáp đường ĐHMC 01), chiều dài 100 m, bà V được nhận phần đất tại vị trí có nhà của bà. Người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Hồng N có yêu cầu độc lập, yêu cầu được nhận phần đất có diện tích khoảng 250 m^2 tại vị trí giáp đường ĐHMC 01. Bị đơn Cao Hùng C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đồng ý chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa 246 nhưng không đồng ý cách chia của nguyên đơn.

[2] Các đương sự đều thống nhất nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Lê Thị P và cụ Cao Văn N1, hai cụ có 09 người con. Cụ N1 chết năm 2006 và cụ P chết năm 2016 đều không để lại di chúc. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế theo pháp luật của cụ N1 và cụ P là 09 người con gồm: Cao Hồng N, Cao Hùng S, Cao Hồng V, Cao Hùng A, Cao Thị Hồng M, Cao Hùng C, Cao Hùng K, Cao Hùng D, Cao Hồng H và xác định thửa 246, tờ bản đồ số 6, toạ lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre là di sản của hai cụ của để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V, bà N về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa 246 là có căn cứ theo Điều 650 Bộ luật Dân sự.

[3] Tuy nhiên, theo hoạ đồ hiện trạng sử dụng đất theo chỉ đo của các đương sự thể hiện phần đất đang tranh chấp bao gồm một phần diện tích thửa 223 thuộc quyền sử dụng đất của ông Lê Tấn T và tại bản án sơ thẩm quyết định chia thừa kế cho bà V được phần đất thuộc thửa 246b, bà N được nhận thửa 246a trong đó có diện tích thửa 223. Nhưng quá trình giải quyết vụ án, Toà án cấp sơ thẩm không đưa ông T vào tham gia tố tụng, không tiến hành làm việc với ông T để xác định ranh giới giữa hai thửa 246, 223 và ông T có tranh chấp phần đất này không là chưa đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của ông T, cũng như không đảm bảo việc thi hành án trong trường hợp bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

Hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn nhưng không có đơn yêu cầu phân chia di sản như thế nào tuy nhiên Toà án cấp sơ thẩm không xem xét, xác định từng kỷ phần của mỗi người thừa kế được nhận là bao nhiêu cũng như trường hợp họ không có yêu cầu chia thì có yêu cầu giao lại di sản cho ai quản lý không mà giao toàn bộ phần diện tích còn lại của thửa 246 (sau khi chia thừa kế cho bà V, bà N) cho ông D, bà M, ông C tiếp tục quản lý là chưa giải quyết toàn diện nội dung vụ án.

Mặt khác, bản án sơ thẩm quyết định bà Cao Hồng N được nhận thừa kế phần đất có diện tích 248,9m^2 (không bao gồm đất thổ cư) là không đủ diện tích tối thiểu được tách thửa theo quy định của Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Ngoài ra, bà V thuộc trường hợp người cao tuổi, Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu bà V nộp đơn đề nghị miễn án phí nhưng quyết định cho bà V được miễn án phí

dân sự sơ thẩm và không xử lý tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà V đã nộp là chưa đúng theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án nên cần rút kinh nghiệm.

Với những thiếu sót như trên cấp phúc thẩm không khắc phục được nên hủy bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Do bản án sơ thẩm bị hủy nên nguyên đơn kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2023/DS-ST ngày 25/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Cao Hồng V thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn nộp tạm ứng án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi Cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Lương